SỞ GD&ĐT TP ĐÀ NẴNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Trường THPT Trần Phú Độc lập- Tự do-Hạnh phúc

Tổ: Địa lí

ĐỀ CƯƠNG KHỐI 10

Ôn tập học kì 1- năm học 2019-2020

**BÀI 15: THUỶ QUYỂN - MỘT SỐ NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CHẾ ĐỘ NƯỚC SÔNG - MỘT SỐ SÔNG LỚN TRÊN TRÁI ĐẤT - SÓNG -**

**THUỶ TRIỀU - DÒNG BIỂN**

**I. Những kiến thức cơ bản cần nắm.**

**I. Thuỷ quyển:**

1. Khái niệm: Là lớp nước trên mặt Trái đất ( nước biển, đại dương, nước trên lục địa, hơi nước trong khí quyển..).

2. Tuần hoàn của nước trên Trái đất:

- Là vòng vận chuyển khép kín của nước trên Trái đất, có vai trò rất quan trọng đối với cuộc sống.

- Có hai vòng tuần hoàn: Vòng tuần hoàn nhỏ và vòng tuần hoàn lớn.

**II. Một số nhân tố ảnh hưởng đến chế độ nước sông.**

1. Chế độ mưa, băng tuyết và nước ngầm:

- Ở miền khí hậu nóng hoặc những nơi địa hình thấp của vùng ôn đới lạnh chế độ nước sông

phụ thuộc vào lượng mưa và chế độ mưa.

- Ở vùng ôn đới lạnh hoặc núi cao chế độ nước sông phụ thuộc vào thời kì băng tan.

- Ở vùng đất thấm nước nguồn nước ngầm có vai trò đáng kể trong chế độ nước sông.

2. Địa thế: Địa thế dốc nước sông thường có chế độ thất thường.

3. Thực vật: Vùng có lớp phủ thực vật nhiều, sông thường có chế độ điều hoà hơn.

4. Hồ đầm hai bên sông: Sông chảy qua vùng có nhiều hồ đầm thì sẽ có chế độ điều hoà hơn.

**III. Một số sông lớn :**

1. Sông Nin: ( châu Phi) dài 6685km, lưu vực rộng gần 2,9 triệu km2.

2. Sông Amadôn: (châu Mĩ) dài 6437km, lưu vực rộng 7,2 triệu km2 ( gần đây người Bra-xin đã chứng minh con sông Amadôn dài hơn sông Nin 1 km.)

3. Sông I-ê-nít-xây: ( châu Á) dài 4102km, lưu vực rộng 2,6 triệu km2.

**II. Trắc nghiệm.**

**1. câu hỏi.**

***Đánh dấu chéo(X) vào câu trả lời đúng nhất.***

**Câu 1:** Chế độ nước của phần lớn các sông trên thế giới hiện nay phụ thuộc vào nguồn nước từ :

A. Băng tuyết. C. Nước ngầm.

B. Lượng nước mưa. D. Hệ thống hồ, đầm.

**Câu 2:** Sông Amadôn có lưu lượng trung bình lớn nhất thế giới và chế độ khá điều hoà nhờ :

A. Lượng băng tuyết trên dãy Anđét rất lớn, cung cấp nước thường xuyên cho sông.

B. Có chiều dài lớn nhất thế giới, lưu vực rộng nhất thế giới.

C. Sông nằm trong khu vực khí hậu xích đạo, mưa nhiều quanh năm.

D. Chảy trong khu vực có khí hậu xích đạo và ôn đới lạnh có nguồn tiếp nước quanh năm từ mưa và băng tuyết.

Câu 3:

**Câu 3:** Yếu tố nào sau đây đóng vai trò quan trọng nhất đối với chế độ nước của một con sông ?

A. Khí hậu. C. Địa chất.

B. Địa hình. D. Lớp phủ thực vật và hồ đầm vùng hai bên sông.

**Câu 4:** Các sông bắt nguồn từ núi cao và các sông ở vùng ôn đới lạnh thường có lũ lụt vào :

A. Mùa xuân. C. Mùa thu.

B. Mùa hạ. D. Mùa đông..

**Câu 5:** Ở các vùng đồng bằng sông có chế độ nước điều hòa hơn miền núi, nguyên nhân chính là do:

A. Đất phù sa dễ thấm nước hơn đất feralit

B. Hai bên sông thường có nhiều hồ đầm hơn.

C. Có lượng mưa nhiều hơn vì gần biển hơn.

D. Có địa hình bằng phẳng hơn.

**Câu 6:** Ở nước ta sông Cửu Long có chế độ nước điều hoà hơn sông Hồng là nhờ:

A. Có chiều dài lớn gấp 3 lần.

B. Vùng đầu nguồn có nhiều rừng hơn

C. Có Biển Hồ và sông Tông lê xáp ở thượng lưu.

D. Phát nguyên từ vùng có mưa nhiều hơn.

**Câu 7:** Điểm khác nhau cơ bản giữa vòng tuần hoàn nhỏ và vòng tuần hoàn lớn là:

A. Điểm khởi đầu.

B. Điểm chấm dứt.

C. Quảng đường đi.

D. Quá trình biến đổi.

**Câu 8:** Ở miền núi, sông thường chảy nhanh hơn đồng bằng vì :

A. Gần nguồn tiếp nước hơn. C. Bờ sông dốc đứng.

B. Lòng sông thường hẹp hơn. D. Hai bên sông có nhiều rừng hơn.

**Câu 9:** Nguồn tiếp nước chính của hệ thống sông ngòi của nước ta là:

A.Nước mưa. C. Băng tuyết.

B. Nước ngầm. D. Cả ba nguồn trên.

**Câu 10:** Sông có chiều dài lớn nhất thế giới hiện nay là:

A. A-ma-dôn. C. Mê-kông.

B. Nin. D. I-ê-nit-xây.

**Câu 11**: Sông có lưu vực lớn nhất thế giới nằm ở khu vực:

A. Châu Á. C. Châu Mĩ.

C. Châu Phi. D. Nam Mĩ.

**Câu 12:** Trong các sông sau đây, sông nào có lũ lụt diễn ra vào mùa xuân?

A. A-ma-dôn. C. Mê-kông.

B. Nin. D. I-ê-nit-xây.

**2. Đáp án.**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1.B | 2. C | 3.A | 4.A | 5. D | 6.C | 7.C | 8. B |
| 9. A | 10. A | 11. D | 12. D |  |  |  |  |

**BÀI 16: SÓNG. THUỶ TRIỀU. DÒNG BIỂN.**

**I.Những kiến thức cơ bản cần nắm.**

I. Sóng biển:

- Sóng là hình thức dao động của nước biển theo chiều thẳng đứng.

- Nguyên nhân chính tạo ra sóng là gió, có khi do động đất và núi lửa lúc đó sẽ có sóng thần.

II. Thuỷ triều:

- Thuỷ triều là sự giao động thường xuyên, có chu kì của các khối nước trong các biển và đại dương.

- Nguyên nhân gây ra thuỷ triều là do sức hút của Mặt trời và Mặt trăng, nhất là Mặt trăng.

- Trong một tháng âm lịch có hai thời kì nước triều lên cao nhất ( triều cường) và hai thời kì nước triều xuống thấp nhất ( triều kém).

+ Khi Mặt Trời, Trái đất và Mặt trăng nằm thẳng hàng (không trăng hoặc trăng tròn)

giao động thuỷ triều cao nhất ( chịu sức hút của cả hai về một hay hai phía ).

+ khi Mặt trời, Trái đất và Mặt trăng nằm vuông góc nhau( trăng bán nguyệt) thì giao động thuỷ triều thấp nhất ( sức hút chia đều cho 2 phía).

III. Dòng biển:

- Là các dòng chảy trong các biển và đại dương.

- Các dòng biển nóng và lạnh ở hai bán cầu hoạt động có qui luật:

+ Dòng nóng phát sinh ở hai bênh Xích đạo chảy về hướng Tây gặp lục địa chuyển hướng chảy về cực.

+ Dòng lạnh xuất phát từ vĩ tuyến 30-40 độ thuộc khu vực gần bờ đông của đại dương rồi chảy về phía Xích đạo.

+ Các dòng nóng và lạnh kết hợp với nhau tạo thành những vòng hoàn lưu của các đại dương ở từng bán cầu. Ở cầu Bắc các hoàn lưu chảy theo chiều kim đồng hồ, ở cầu Nam chảy ngược lại.

+ Các dòng biển nóng và lạnh đối xứng nhau qua Xích đạo.

**II. Trắc nghiệm.**

**1. Câu hỏi.**

***Đánh dấu chéo vào câu trả lời đúng nhất.***

**Câu 1:** Sóng biển là:

A. Hiện tượng giao động thường xuyên, có chu kì của các khối nước trong đại dương.

B. Hình thức giao động của nước biển theo chiều thẳng đứng.

C. Hiện tượng giao động của nước biển theo chiều ngang từ ngoài khơi vào bờ.

D. Sự giao động của nước biển vừa theo chiều thẳng đứng vừa theo chiều ngang.

**Câu 2:** Sóng bạc đầu thường xuất hiện khi:

A. Bể lặng.

B. Có gió nhẹ.

C. Có gió lớn.

D. Có động đất

**Câu 3:** Giao động thuỷ triều lớn nhất khi:

A. Mặt trời, Mặt trăng nằm thẳng hàng

B. Trái đất và Mặt trăng nằm thẳng hàng

C. Mặt trăng, Mặt trời và Trái đất nằm thẳng hàng

D. Khi Mặt trời, Mặt trăng và Trái đất nằm ở vị trí vuông góc.

**Câu 4:** Hiện tượng triều kém xảy ra vào thời điểm:

A. Trăng tròn.

B. Trăng bán nguyệt.

C. Không trăng.

D. Trăng lưỡi liềm.

**Câu 5:** Hiện tượng triều cường xảy ra vào thời điểm:

A. Trăng tròn.

B. Trăng bán nguyệt.

C. Trăng khuyết

D. Trăng lưỡi liềm.

**Câu 6:** Các dòng biển lạnh thường xuất phát từ:

A. Xích đạo.

B. Hai cực.

C. Chí tuyến.

D. Các vĩ tuyến từ 30-40º B,N.

**Câu 7:** Đây là qui luật hoạt động của các dòng biển.

A. Các dòng nóng từ Xích đạo chảy về cực, các dòng lạnh chảy từ cực về Xích đạo.

B. Các dòng biển nóng và lạnh đối xứng nhau qua bờ các đại dương.

C. Các dòng biển nóng và dòng biển lạnh đổi chiều tuỳ theo mùa.

D. Các dòng biển nóng và lạnh chảy đối xứng nhau giữa hai bán cầu.

# 2. Đáp án.

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1.B | 2.C | 3.C | 4.B | 5. A | 6. D | 7B |

# BÀI 18: SINH QUYỂN - CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ SINH VẬT

**I. Những kiến thức cơ bản cần nắm.**

I. Sinh quyển:

- Là một quyển của Trái đất trong đó có toàn bộ sinh vật sinh sống.

- Giới hạn của sinh quyển gồm toàn bộ thuỷ quyển, phần thấp của khí quyển,lớp phủ thổ nhưỡng và lớp vỏ phong hoá.

**II. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố sinh vật.**

1. Khí hậu:

- Ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển và phân bố sinh vật thông qua 3 yếu tố: nhiệt độ, nước và độ ẩm không khí và ánh sáng.

-Tất cả các sinh vật đều cần nước và ánh sáng và chỉ phát triển tốt trong một điều kiện nhiệt độ nhất định.

2. Đất: Mỗi loại thực vật chỉ phát triển tốt nhất với một loại đất thông qua thành phần khoáng chất và độ phì.

3. Địa hình:

- Độ cao khác nhau thì đất đai và sinh vật cũng khác nhau.

- Hướng sườn khác nhau sẽ có khí hậu khác nhau từ đó sinh vật cũng khác nhau.

4. Sinh vật:

- Thực vật là nguồn thức ăn cho động vật. Sự phân bố thực vật ảnh hưởng đến phân bố động vật.

5. Con nguời:

- Có thể tác động tạo ra nhiêù giống loài mới, thay đổi vị trí phân bố ban đầu, làm phát triển hoặc tuyệt chủng nhiều giống loài.

**II. Trắc nghiệm.**

**1. Câu hỏi.**

***Đánh chéo(X) vào trước câu trả lời đúng nhất.***

**Câu 1:** Phạm vi của sinh quyển gồm :

A Từ đáy đại dương hoặc lớp vỏ phong hoá cho đến hết tầng đối lưu.

B Toàn bộ mặt đất, mặt nước và không gian có sự sống của sinh vật.

C Tầng đối lưu, lớp vỏ phong hoá, lớp phủ thổ nhưỡng và thuỷ quyển.

D. Bề mặt Trái Đất nơi có sự sống của sinh vật.

**Câu 2:** Con người có ảnh hưởng lớn đến sự phân bố sinh vật, điều này được thể hiện ở :

A Hoạt động trồng trọt và chăn nuôi ra đời rất sớm và có mặt khắp nơi .

B. Con người đã di cư các loại cây trồng và vật nuôi ra khỏi môi trường nguyên thuỷ.

C. Con người biết lai tạo để cho ra đời nhiều giống mới có chất lượng và năng suất cao hơn.

D. Hoạt động nông nghiệp ngày càng được phát triển và mở rộng.

**Câu 3:** Nhân tố môi trường có ý nghĩa quyết định đến sự phân bố sinh vật là :

A.Đất đai. C. Khí hậu.

B. Địa hình. D. Sinh vật.

**Câu 4:** Tác động tiêu cực của "Cách mạng xanh" đến sự phân bố sinh vật là :

A. Diện tích rừng bị thu hẹp, mất nơi cư trú của động vật.

B. Một số giống cây trồng của địa phương bị tuyệt chủng.

C. Sự lai tạo để tìm ra các giống mới, làm thay đổi giống loài nguyên thuỷ.

D. Làm thay đổi môi trường, từ đó sinh vật cũng thay đổi theo.

**Câu 5:** Địa hình có ảnh hưởng đến sự phân bố sinh vật vì :

A. Độ cao khác nhau thì khí hậu sẽ khác nhau.

B. Độ dốc khác nhau tầng đất cũng sẽ khác nhau.

C Hướng sườn khác nhau nên nhiệt, ẩm, ánh sáng khác nhau.

D. Tất cả các yếu tố trên.

**Câu 6:** Nhận định nào sau đây **không** chính xác khi nói về vai trò của con người đối với sự phân bố sinh vật trên Trái Đất ?

A. Con người đã thu hẹp diện tích rừng làm tuyệt chủng nhiều loại động thực vật

B. Con người đã lai tạo để tìm ra các giống loài mới, làm đa dạng thêm giới sinh vật.

C. Con người đã di cư các loại cây trồng và vật nuôi, làm thay đổi sự phân bố nguyên thuỷ.

D. Con người đã làm thay đổi khí hậu nên đã làm thay đổi sự phân bố sinh vật.

**Câu 7:** Khí hậu là nhân tố có ý nghĩa quyết định đến sự phân bố sinh vật vì khí hậu là tác nhân chính tạo ra sự khác biệt về đất đai, sinh vật trên Trái Đất :

A. Đúng B Sai

# 2. Đáp án.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 1C | 2. B | 3. C | 4. B |
| 5. D | 6. B | 7. A |  |

**BÀI 21** : **QUY LUẬT ĐỊA ĐỚI VÀ QUY LUẬT PHI ĐỊA ĐỚI**

**I. Những kiến thức cơ bản cần nắm.**

**I. Qui luật địa đới**

1. Khái niệm: Là sự thay đổi có qui luật của tất cả các thành phần địa lí và cảnh quan theo vĩ độ.

2. Nguyên nhân: do Trái đất có hình khối cầu nen việc tiếp thu bức xạ Mặt trời khác nhau.

3. Biểu hiện:

a. Trái đất được chia làm 4 vành đai nhiệt ở mỗi bán cầu.

b. Mỗi bán cầu có 4 đai khí áp.

c. Mỗi bán cầu có 3 đới gió

d. Mỗi bán cầu có 3 đới khí hậu.

e. Mỗi bán cầu có nhiều đới đất và thảm thực vật.

**II. Qui luật phi địa đới**

1. Khái niệm: Là qui luật phân bố không phụ thuộc vào tính chất phân bố theo địa đới của các thành phần địa lí và cảnh quan.

2. Nguyên nhân: Do nguồn năng lượng bên trong của Trái đất làm cho bề mặt Trái đất chia thành lục địa, hải dương và núi cao.

3. Biểu hiện:

a. Qui luật đai cao; Sự phân bố các vành đai đất và sinh vật theo độ cao do càng lên cao thì khí hậu thau đổi.

b. Qui luật địa ô: Là sự thay đổi sinh vật theo kinh tuyến do mức độ chịu ảnh hưởng của đại dương

**I. Trắc nghiệm.**

**1. Câu hỏi.**

**Câu 1:** Tính địa đới là sự thay đổi có quy luật các thành phần tự nhiên và cảnh quan địa lí theo:

A. Độ cao. B. Vĩ tuyến.

C. Kinh tuyến. D. Các đới khí hậu.

**Câu 2:** Tác nhân nào sau đây phá vỡ tính địa đới?

A. Độ cao của địa hình.

B. Sự phân bố không đều giữa lục điạ và hải dương.

C. Sự hoạt động của các dòng biển.

D. Cả 3 yếu tố trên.

**Câu 3:** Càng ra xa bề mặt Trái Đất thì tính địa đới sẽ :

A. Càng tăng lên. B. Càng yếu dần.

C. Không thay đổi. D. Tùy theo vùng.

**Câu 4:** Nguyên nhân của qui luật địa đới là :

A. Trái Đất có hình cầu.

B. Trái Đất nghiêng khi quay trên quỹ đạo.

C. Trái Đất vừa quay quanh trục vừa quay quanh Mặt Trời.

D. Vận tốc quay của Trái Đất khá lớn.

**Câu 5:** Tính địa ô là sự thay đổi có quy luật các thành phần tự nhiên và các cảnh quan địa lí theo :

A. Kinh độ. B. Vĩ độ.

C. Độ cao. D. Địa hình.

**Câu 6:** Tính địa đới được biểu hiện trong yếu tố nào sau đây ?

A. Khí hậu và thủy văn. B. Đất đai, sinh vật.

C. Cảnh quan địa lý. D. Tất cả các yếu tố trên.

**Câu 7:** Đới gió tiêu biểu cuả vùng ôn đới là:

A.Gió mùa. B. Gió Tín phong.

C. Gió Tây. D. Gió Đông.

**Câu 8:** Đới gió tiêu biểu của vùng nhiệt đới là:

A. Gió Mậu dịch. B. Gió Tín phong.

C. Gió Alidê. D. Cả 3 loại trên.

**Câu 9:** Sự thay đổi cảnh quan theo độ cao và theo kinh tuyến có điểm giống nhau về:

A. Biểu hiện. B. Nguyên nhân.

C. Điều kiện hình thành. D. Cả 3 yếu tố trên.

**Câu 10:** Tính địa ô là do:

A. Sự khác nhau giữa đất và biển. B. Hoàn lưu của khí quyển.

C. Các dòng biển. D. Sự khác nhau về độ lục địa của khí hậu.

**Câu 11:** Các quy luật địa đới và phi địa đới thường tác động :

A. Độc lập với nhau. C. Xen kẽ nhau.

B. Đồng thời và tương hỗ lẫn nhau. D. Đối lập nhau.

**Câu 12:** Nguyên nhân sâu xa của quy luật địa đới là:

A. Nguồn bức xạ Mặt Trời.

B. Nguồn năng lượng trong lòng Trái Đất.

C. Độ cao của địa hình.

D. Sự phân bố không đều giữa lục địa và hải dương.

**Câu 13:** Lớp vỏ địa lý còn được gọi tên là :

A. Lớp phủ thực vật. C. Lớp vỏ cảnh quan.

B. Lớp thỗ nhưỡng. D. Lớp vỏ Trái Đất.

**2. Đáp án.**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1B | 2D | 3B | 4A | 5A | 6.D | 7C | 8D |
| 9A | 10D | 11B | 12A | 13. C |  |

PHẦN II : ĐỊA LÝ KINH TẾ XÃ HỘI

###### CHƯƠNG V : DÂN CƯ

BÀI 22 : DÂN SỐ VÀ SỰ GIA TĂNG DÂN SỐ

**I. Những kiến thức cơ bản cần nắm.**

I. Dân số và tình hình phát triển dân số thế giới:

1. Dân số thế giới.

- Đến giữa năm 2005 dân số thế giới là 6477 triệu người.

- Qui mô dân số giữa các nước rất khác nhau: Có 11 nước có số dân trên 100 triệu(61% dân số thế giới), có 17 nước có số dân từ 0,1 triệu trở xuống.

- Trung Quốc, Ấn Độ, Hoa Kì, In-đô-nê-xi-a, Bra-xin là 5 nước có số dân lớn nhất thế giới.

2. Tình hình phát triển dân số thế giới

- Dân số thế giới tăng nhanh.( Năm 1804 có 1 tỉ đến nay là 6,5 tỉ dự kiến năm 2025 là 8 tỉ)

- Thời gian để tăng thêm một tỉ và tăng gấp đôi ngày càng rút ngắn.

**II. Gia tăng dân số**

1. Gia tăng tự nhiên.

- Là sự biến động dân số do sinh đẻ và tử vong.

- Để tính sự gia tăng tự nhiên dựa vào tỉ suất sinh thô và tỉ suất tử thô, đó là số người sinh bình quân hàng năm hoặc tử bình quân hàng năm so với dân số trung bình của cùng thời điểm. Các tỉ suất nầy được tính bằng phần ngàn.

- Tỉ suất sinh thô và tử thô phụ thuộc vào nhiều yếu tố như tâm lí xã hội, trình độ phát triển, chính sách phát triển, tự nhiên sinh học và thiên tai, chiến tranh..

- Gia tăng tự nhiên là động lực của sự phát triển dân số.

2. Gia tăng cơ học

- Là sự biến động dân số do chuyển cư

- Gia tăng cơ học không ảnh hưởng đến dân số thế giới.

3. Gia tăng dân số

- Là kết quả của gia tăng tự nhiên và gia tăng cơ học

- Đây là thước đo tình hình biến động dân số của một vùng, một quốc gia.

**II. Trắc nghiệm.**

**1. Câu hỏi.**

***Đánh chéo ( X ) vào câu trả lờI đúng nhất.***

**Câu 1:** Hiện nay ( năm 2018) dân số thế giới độ :

A. Trên 6 tỷ. C. 6,5 tỷ.

B. Trên 7,5 tỷ. D. Trên 8 tỷ.

**Câu 2:** Đây là đặc điểm về quy mô dân số giữa các nước trên thế giới hiện nay :

A. 50% dân số thế giới tập trung ở 10 nước có quy mô trên 100 triệu người/ nước.

1% dân số tập trung ở 20 nước có quy mô dưới 0,1 triệu người/ nước.

B. 11 nước có quy mô trên 100 triệu người / nước 17 nước có quy mô từ 0,1 triệu / nước trở xuống.

C. Quy mô dân số giữa các nước rất khác nhau; nước đông dân nhất lớn gấp gần 1000 lần nước ít dân nhất.

D. Trên 60% dân số thế giới tập trung ở các nước đông dân, các nước có dân số dưới 1 triệu người / nước chỉ chiếm 0,02% dân số thế giới.

**Câu 3:** Bốn quốc gia có số dân đông trên 100 triệu nằm sát nhau trên một châu lục là :

A.Hoa Kì, Canađa, Mêhicô, Bra-xin, Ac-hen-ti-na.

B.Ấn Độ, Pakistan, Inđônêxia, Băng-la-đét

C.Ấn Độ, Trung Quốc, Nga, Nhật Bản

D. Ấn Độ, Pakistan, Băng la đét. Trung Quốc.

**Câu 4:** 5 quốc gia có số dân đông nhất trên thế giới hiện nay theo thứ tự từ lớn đến nhỏ là:

A. Trung Quốc, Ấn Độ, Nga, Hoa Kỳ, In-đô-nê-xi-a

B. Trung Quốc, Ấn Độ, Hoa Kỳ, In-đô-nê-xi-a , Braxin.

C. Trung Quốc, Ấn Độ, In-đô-nê-xi-a, Hoa Kỳ, Braxin.

D. Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, Braxin, In-đô-nê-xi-a.

**Câu 5:** Nhân tố tạo ra động lực phát triển dân số thế giới là:

A. Sự gia tăng tự nhiên. C. Sự gia tăng cơ học.

B. Sự sinh đẻ và di cư. D. Sự gia tăng tự nhiên và gia tăng cơ học.

**Câu 6:** Đây là công thức để tính tí suất sinh thô:

A. S0/00 =  B. S% =

C. S0/00 =  D. S% =

**Câu 7:** Năm 2005 dân số nước ta ở đầu năm và cuối năm lần lượt là 84,1 triệu người 81,9 triệu người, năm này có 1,52 triệu trẻ em ra đời. Tỉ lệ sinh thô của nước ta năm 2005 là:

A.1,83% B. 18,3‰

C. 18,07 0/00 D. 18,55‰

**Câu 8:** Tuổi thọ trung bình của dân số một nước là :

A. Số năm tối đa mà người dân một nước có thể sống được.

B. Số năm tối thiểu mà người dân một nước có thể sống được.

C. Số năm bình quân của một người dân sinh ra có thể sống được trong nước đó.

D.Số năm mà một người dân có thể sống được và được xem là sống lâu ở một nước.

**Câu 9:** Đây là tỉ suất tăng dân tự nhiên của nước ta năm 2005 khi tỉ suất sinh thô và tử thô lần lượt là 18,550/ và 5,250/00

A. 23,8 0/00 B. 13,30 0/00

C. 2,38% D. 1,33%

**Câu 10:** Tỉ suất tử vong trẻ sơ sinh là:

A. Tỉ lệ % số trẻ em chết trong 1 năm so với trẻ em trong độ tuổi từ 0-14 tuổi.

B. Tỉ lệ 0/00 số trẻ em chết trong 1 năm so với trẻ em trong độ tuổi từ 0-14 tuổi.

C. Tỉ lệ 0/00 số trẻ em chết dưới 1 tuổi so với trẻ em trong độ tuổi đó.

D. Tỉ lệ % số trẻ em chết dưới 1 tuổi so với số trẻ em từ 1-14 tuổi.

**Câu 11:** Mục đích chính cử việc thực hiện chính sách dân số ở các nước đang phát triển hiện nay là;

A. Giải quyết tình trạng bùng nổ dân số.

B. Tạo sự cân bằng giữa phát triển dân số và tăng trưởng kinh tế.

C. Giải quyết tình trạng dư thừa lao động.

D. Giảm bớt tỉ lệ dân số phụ thuộc.

**2. Đáp án.**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1) A | 3) B | 5) A | 7) A | 9) C | 11) B |  |  |
| 2) B | 4) B | 6) A | 8) C | 10) C | 12) C |  |  |

**BÀI 23: CƠ CẤU DÂN SỐ**

**I. Những kiến thức cơ bảm cần nắm.**

**I. Cơ cấu sinh học.**

1. Cơ cấu dân số theo giới

- Biểu thị mối tương quan giữa giới nam so với nữ hoặc so với tổng số dân.

D nam

- Công thức tính là : TNN= -----------( đơn vị là %)

D nữ

- Cơ cấu giới có ảnh hưởng tới phân bố sản xuất, tổ chức đời sống xã hội, việc hoạch định chiến lược kinh tế xã hội.

2. Cơ cấu dân số theo độ tuổi:

- Là tập hợp những nhóm người sắp xếp theo những nhóm tuổi nhất định.

- Cơ cấu theo nhóm tuổi có ý nghĩa quan trọng vì thể hiện tình hình sinh tử, tuổi thọ, khả năng phát triển dân số, nguồn lao động…

- Thường chia làm 3 nhóm:

+ Từ 0 tuổi đến 14 tuổi.

+ Từ 15 tuổi đến 59 tuổi

+ Từ 60 tuổi trở lên.

- Dựa trên cơ cấu theo độ tuổi người ta phân biệt dân số trẻ và dân số già: dân số trẻ khi nhóm 1 trên 35%, nhóm 3 dưới 10%; dân số già khi nhóm 1 dưới 25% nhóm 3 trên 15%.

3. Tháp dân số:

- Là biểu đồ thể hiện cơ cấu dân số theo giới và theo độ tuổi.

- Trục tung biểu diễn cơ cấu theo độ tuổi, trục hoành biểu diễn cơ cấu theo giới.

- Có 3 kiểu tháp dân số:

+ Kiểu mở rộng: biểu diễn một dân số trẻ, tăng nhanh, tuổi thọ thấp.

+ Kiểu thu hẹp: biểu diễn một dân số đang già hoá.

+ Kiểu ổn định: biểu diễn một dân số già, tuổi thọ cao.

**II. Cơ cấu xã hội.**

1. Cơ cấu theo lao động: Gồm:

- Nguồn lao động với hai nhóm dân số hoạt động kinh tế và dân số không hoạt động kinh tế.

- Dân số hoạt động theo khu vực kinh tế gồm: khu vực I ( Nông lâm ngư nghiệp), khu vực II (công nghiệp và xây dựng) và khu vực III(dịch vụ).

2: Các loại cơ cấu khác: Cơ cấu theo trình độ văn hoá, theo tôn giáo, theo mức sống.

**II. Trắc nghiệm.**

**1. Câu hỏi.**

***Đánh chéo( X ) vào câu trả lời đúng nhất.***

**Câu 1:** Năm 2005 dân số nước ta là 83,1 triệu trong đó nam 40,8 triệu người. Tỷ số giới tính của dân số nước ta năm 2005 là :

A. Nữ 51,1 %; nam 48,9%. B. 103,6 %.

C. 96,5 %. D. 96,5 nam / 100 nữ.

**Câu 2:** Tỷ số nam nữ khác nhau theo không gian và thời gian, nguyên nhân chính là do:

A. Chiến tranh làm nam chết nhiều hơn nữ.

B. Tuổi thọ trung bình của nữ thường cao hơn nam.

C. Nam thường di cư nhiều hơn nữ.

D. Tuỳ theo từng nơi từng lúc với một trong những hoặc của tất cả các nguyên nhân trên.

**Câu 3:** Ở nước ta thành phần nữ luôn cao hơn thành phần nam, nguyên nhân chủ yếu là do :

A. Tuổi thọ trung bình của nữ cao hơn nam.

B.Trước đây nước ta có chiến tranh nam chết nhiều hơn nữ.

C. Dân ta di cư nhiều ra nước ngoài..

D. Chịu ảnh hưởng của tư tưởng phong kiến trọng nam khinh nữ.

**Câu 4:** Cơ cấu dân số theo tuổi thể hiện được:

A. Thành phần nam nữ của một dân số.

B. Thành phần nghề nghiệp của một dân số.

C. Tình hình phân bố sản xuất và tổ chức đời sống xã hội của một nước.

D. Khả năng phát triển dân số và nguồn lao động của một quốc gia.

**Câu 5:** Kiểu tháp tuổi mở rộng, biểu hiện cho một dân số :

A. Tăng nhanh. B. Tăng chậm.

C. Không tăng. D. Đang giảm xuống.

**Câu 6:** Một dân số có tuổi thọ trung bình cao được thể hiện trong kiểu tháp tuổi:

A. Mở rộng. B.Thu hẹp.

C. Ổn định. D. Không thể xác định được.

**Câu 7:** Đây là quốc gia có kiểu tháp tuổi thu hẹp:

A. Trung Quốc. B. Nga.

C. CHDC Công-gô C. Nhật Bản.

**Câu 8:** Kiểu tháp tuổi thu hẹp thể hiện một dân số:

A. Có tuổi thọ trung bình thấp, số trẻ em đông.

B. Dân số tăng còn nhanh, tỉ suất sinh cao nhưng đang giảm xuống.

C. Tỉ suát tử thấp ở nhóm trẻ em nhưng cao ở tuổi già.

D. Tỉ suất sinh giảm nhanh, đang chuyển từ dân số trẻ sang dân số gìa.

**Câu 9:** Bộ phận dân số nào sau đây thuộc nhóm dân số không hoạt động kinh tế?

A. Người có nhu cầu lao động nhưng không có việc làm.

B. Những người nội trợ.

C. Những người chỉ có việc làm tạm thời.

D. Những người lao động đang nghỉ chờ việc.

**2. Đáp án.**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1C** | **2D** | **3 B** | **4D** | **5A** | **6C** | **7A** | **8D** | **9B** |